

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 154/2026/TLST-VHNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: - Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1988; Căn cước công dân số 001088044871 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/01/2024; HKTT: Cụm D, xã Ô, thành phố Hà Nội.

- Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1992; Căn cước công dân số 001192029674 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/05/2021; HKTT: Cụm D, xã Ô, thành phố Hà Nội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị H lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 28/10/2011 tại UBND xã L, huyện Đ (nay là: xã Ô), thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh N và chị H thực sự trầm trọng, nguyện vọng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị H xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 30/12/2013 và Nguyễn Việt B, sinh ngày 28/04/2012. Anh N và chị H thống nhất giao cho anh N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung, kể

từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Sự thoả thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên công nhận.

Anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung, kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Sự tự nguyện của anh chị là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Chị H có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản và nhà đất chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị H xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Sự tự nguyện của anh N là phù hợp nên ghi nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 04 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị H thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị H xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 30/12/2013 và Nguyễn Việt B, sinh ngày 28/04/2012.

Ghi nhận sự thoả thuận của anh N và chị H thống nhất giao cho anh N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung, kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh N tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung, kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[1.3] Về tài sản và nhà ở chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[1.4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị H xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn N tự nguyện chịu cả số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0007251 ngày 26/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND KV8-HN;*
- *THADS TP. HN;*
- *UBND xã Liên Hà, huyện Đan Phượng (nay là: xã Ô Diên), TP.Hà Nội (GCN số 81 ngày 28/10/2011);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Đoan**